

Phụ lục III
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG LĨNH VỰC
LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG
SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG
NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số: 1561/QĐ-UBND ngày 09/7/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH
NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (08 TTHC)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (06 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC (03 TTHC)	
01	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Cơ quan khoa học CITES, cơ quan quản lý nhà nước, chuyên gia có liên quan và cơ quan có thẩm quyền
02	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	Chủ tịch UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; cơ quan liên quan tham gia Hội đồng thẩm định
03	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan có liên quan tham gia Hội đồng thẩm định
04	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận	UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường
II	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (02 TTHC)	
01	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Chi cục Kiểm lâm; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các cơ quan liên quan

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
02	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (02 TTHC)	
01	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Phòng Kinh tế cấp xã, các cơ quan liên quan
02	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Phòng Kinh tế cấp xã, các cơ quan liên quan, UBND cấp xã, UBND tỉnh.

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

CỤM TỪ VIẾT TẮT:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC;
- Công chức Bộ phận Một cửa: CCMC;
- Thủ tục hành chính: TTHC;
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Chi cục Kiểm lâm: CCKL
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT
- Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên: QLVR&BTTN
- Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y; CN,TS&TY.
- Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân xã; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân phường: Phòng Kinh tế cấp xã.

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (06 TTHC)

I. LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC (04 TTHC)

1. Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

Thời gian thực hiện TTHC: 16 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ: - Trường hợp chưa đầy đủ thành phần: thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đủ thành phần: Ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLVR&BTTN	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ; tham mưu việc gửi văn bản tham vấn các cá nhân, tổ chức có liên quan	Công chức phòng QLVR&BTTN	2,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Xem xét, cho ý kiến trả lời bằng văn bản	Cá nhân, tổ chức có liên quan	10 ngày
B5	Tổng hợp ý kiến các cá nhân, tổ chức có liên quan; trình văn bản xử lý (Phương án thả/văn bản từ chối phê duyệt Phương án thả)	Công chức phòng QLVR&BTTN	01 ngày
B6	Kiểm tra văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	1/2 ngày
B7	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở NN&MT văn bản xử lý	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B8	Xem xét, ký duyệt văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở NN&MT	3/4 ngày
B9	Đóng dấu, chuyển văn bản cho TTPVHCC;	Văn thư Sở NN&MT	1/4 ngày
B10	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		16 ngày làm việc

2. Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên
(phục vụ các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; phục vụ công tác đối ngoại theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ)

Thời gian thực hiện TTHC: 18 ngày làm việc.

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ: - Trường hợp chưa đầy đủ thành phần: thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đủ thành phần: Ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTNN	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ; tham mưu việc thành lập Hội đồng thẩm định, tổ chức thẩm định	Công chức Phòng QLVR& BTNN	04 ngày
B4	Tổ chức thẩm định	Hội đồng thẩm định	04 ngày
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định; dự thảo văn bản xử lý (Văn bản trình; dự thảo Quyết định cấp giấy phép khai thác/Văn bản thông báo không cấp giấy phép), trình Lãnh đạo phòng	Công chức Phòng QLVR&BTNN	03 ngày
B6	Xem xét, trình Lãnh đạo CCKL văn bản xử lý	Lãnh đạo Phòng QLVR& BTNN	01 ngày
B7	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở NN&MT văn bản xử lý	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B8	Xem xét, ký văn bản trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B9	Đóng dấu, phát hành văn bản	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B10	Xem xét, phê duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B11	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			18 ngày làm việc

3. Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (bao gồm cả trường hợp Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị bổ sung số lượng loài, cá thể loài không thuộc danh mục loài đã được ký khi thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học)

- Thời gian thực hiện TTHC: 27 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ: - Trường hợp chưa đầy đủ thành phần: thông	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn	1/4 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đủ thành phần: Ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN	thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	1/2 ngày
B3	- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; tham mưu thông báo bằng văn bản về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ (<i>trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ</i>) - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tham mưu dự thảo Sở NN&MT trình UBND tỉnh việc thành lập Hội đồng thẩm định.	Công chức Phòng QLVR&BTTN	10 ngày
B4	Tổ chức thẩm định	Hội đồng thẩm định	10 ngày
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định; dự thảo văn bản xử lý (Văn bản trình; dự thảo Quyết định cấp giấy chứng nhận/Văn bản thông báo không cấp giấy chứng nhận), trình Lãnh đạo phòng	Công chức Phòng QLVR&BTTN	02 ngày
B6	Xem xét, trình Lãnh đạo CCKL văn bản xử lý	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	1/2 ngày
B7	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở NN&MT văn bản xử lý	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B8	Xem xét, ký văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B9	Đóng dấu, phát hành văn bản trình UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/4 ngày
B10	Xem xét, phê duyệt văn bản; chuyển kết quả về TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B11	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			27 ngày làm việc

4. Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận

- Thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ: - Trường hợp chưa đầy đủ thành phần: thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đủ thành phần: Ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư CCKL/Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ; dự thảo văn bản xử lý, trình Phòng QLVR&BTTN	Công chức Phòng QLVR&BTTN	03 ngày
B4	Xem xét xử lý văn bản, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	01 ngày
B5	Xem xét xử lý văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B6	Xem xét, duyệt ký văn bản; chuyển Văn thư Sở, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B7	Đóng dấu, phát hành văn bản trình UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B8	Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển kết quả về TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B9	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			10 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (02 TTHC)

1. Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES (*Trường hợp cơ sở nuôi, trồng đã được cấp mã số có thay đổi, bổ sung địa điểm nuôi, trồng, mục đích nuôi, trồng hoặc bổ sung loài nuôi, trồng mới, tổ chức*)

1.1. Trường hợp không cần kiểm tra thực tế (*không bao gồm trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam; Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu*).

-Thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ: - Trường hợp chưa đầy đủ thành phần: thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đủ thành phần: Ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; nhập hồ sơ điện tử. + <i>Trường hợp đối với loài không phải là loài Thủy sản</i> : Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN. + <i>Trường hợp đối với loài Thủy sản</i> : Chuyển lãnh đạo Phòng CN,TS&TY.	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư, Lãnh đạo CCKL/Văn thư, Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	01 giờ
B3	Kiểm tra hồ sơ; xây dựng văn bản xử lý (dự thảo Mã số/văn bản thông báo không cấp Mã số), trình Lãnh đạo Phòng	Công chức phòng QLVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	12 giờ
B4	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	04 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản	Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản cho TTPVHCC;	Bộ phận Văn thư	01 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			24 giờ

1.2. Trường hợp cần kiểm tra thực tế (không bao gồm Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu).

- Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ: - Trường hợp chưa đầy đủ thành phần: thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đủ thành phần: Ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; nhập hồ sơ điện tử. + <i>Trường hợp đối với loài không phải là loài Thủy sản</i> : Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTNN. + <i>Trường hợp đối với loài Thủy sản</i> : Chuyển lãnh đạo Phòng CN,TS&TY.	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư, Lãnh đạo CCKL/Văn thư, Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTNN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	1/2 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ; tham mưu thực hiện các bước: - Kiểm tra thực tế cơ sở nuôi, trồng. - Tham mưu việc lấy ý kiến xác nhận của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam trong trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục II, III Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Cơ quan khoa học CITES Việt Nam trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ; Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan cấp mã số). - Xây dựng văn bản xử lý (dự thảo Mã số/văn bản thông báo không cấp Mã số), trình Lãnh đạo Phòng	Chuyên viên Phòng QLVR&BTNN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	10 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	02 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản	Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản cho TTPVHCC	Bộ phận Văn thư	1/4 ngày
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		15 ngày làm việc

1.3. Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu

- Thời gian thực hiện TTHC:

+ **Trường hợp 1:** Ban Thư ký CITES có văn bản chấp thuận: 22 ngày làm việc (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES).

+ **Trường hợp 2:** Ban Thư ký CITES có văn bản thông báo từ chối duyệt hồ sơ: 19 ngày làm việc (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES).

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Trường hợp 1	Trường hợp 2
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ: - Trường hợp chưa đầy đủ thành phần: thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đủ thành phần: Ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; nhập hồ sơ điện tử. + <i>Trường hợp đối với loài không phải là loài Thủy sản:</i> Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN. + <i>Trường hợp đối với loài Thủy sản:</i> Chuyển lãnh đạo Phòng CN,TS&TY.	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư, Lãnh đạo CCKL/Văn thư, Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/4 ngày	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN,	1/2 ngày	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian thực hiện	
		CCKL/Phòng CN,TS&TY		
-	Kiểm tra hồ sơ; tham mưu thực hiện các bước: - Kiểm tra thực tế cơ sở nuôi, trồng; - Tham mưu việc gửi hồ sơ đến Cơ quan quản lý CITES Việt Nam (kèm theo hồ sơ) để trình Ban Thư ký CITES; - Tham mưu việc lấy ý kiến xác nhận của Cơ quan Khoa học CITES Việt Nam trong thời hạn 09 ngày làm việc (trường hợp loài nuôi, trồng thuộc Phụ lục I Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam)	Công chức Phòng QLBVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	14 ngày	11 ngày
B4	Cơ quan quản lý CITES Việt Nam gửi hồ sơ cho Ban Thư ký CITES	Cơ quan quản lý CITES Việt Nam	02 ngày	02 ngày
B5	Ban Thư ký CITES gửi văn bản trả lời	Ban Thư ký CITES	Không tính thời gian	
B6	Thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp mã số	Cơ quan quản lý CITES Việt Nam	02 ngày	01 ngày
B7	Tổng hợp hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý (Văn bản cấp mã số/văn bản thông báo), trình Lãnh đạo phòng	Công chức Phòng QLBVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	1,5 ngày	1,5 ngày
B8	Xem xét, trình Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT văn bản xử lý	Lãnh đạo Công chức Phòng QLBVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	01 ngày	01 ngày
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản xử lý	Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT	0,5 ngày	0,5 ngày
B10	Đóng dấu, chuyển văn bản cho TTPVHCC	Bộ phận Văn thư	1/4 ngày	1/4 ngày
B11	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
	Tổng thời gian thực hiện		22 ngày làm việc	19 ngày làm việc

2. Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES

2.1. Trường hợp không cần kiểm tra thực tế (không bao gồm trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam; Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu).

-Thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, nhập hồ sơ điện tử: - Trường hợp đối với loài không phải là loài Thủy sản: Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN. - Trường hợp đối với loài Thủy sản: Chuyển lãnh đạo Phòng CN,TS&TY.	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư, Lãnh đạo CCKL/Văn thư, Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	01 giờ
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ thành phần: tham mưu việc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Xây dựng văn bản xử lý (dự thảo Mã số/văn bản thông báo không cấp Mã số), trình Lãnh đạo Phòng	Công chức phòng QLVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	12 giờ
B4	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	04 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản	Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản cho TTPVHCC;	Bộ phận Văn thư	01 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		24 giờ

2.2. Trường hợp cần kiểm tra thực tế (không bao gồm Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu).

- Thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, nhập hồ sơ điện tử: - Trường hợp đối với loài không phải là loài Thủy sản: Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN. - Trường hợp đối với loài Thủy sản: Chuyển lãnh đạo Phòng CN,TS&TY.	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư, Lãnh đạo CCKL/Văn thư, Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	1/2 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ thành phần: tham mưu việc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Kiểm tra thực tế cơ sở nuôi, trồng. + Tham mưu việc lấy ý kiến xác nhận của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam trong trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục II, III Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Cơ quan khoa học CITES Việt Nam trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ; Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan cấp mã số). + Xây dựng văn bản xử lý (dự thảo Mã số/văn bản thông báo không cấp Mã số), trình Lãnh đạo Phòng	Chuyên viên Phòng QLVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	10 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	02 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản	Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo	02 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Sở NN&MT	
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản cho TTPVHCC	Bộ phận Văn thư	1/4 ngày
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		15 ngày làm việc

2.3. Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu

- Thời gian thực hiện TTHC:

+ **Trường hợp 1:** Ban Thư ký CITES có văn bản chấp thuận: 22 ngày làm việc (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES).

+ **Trường hợp 2:** Ban Thư ký CITES có văn bản thông báo từ chối duyệt hồ sơ: 19 ngày làm việc (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES).

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)	
			<i>Trường hợp 1</i>	<i>Trường hợp 2</i>
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, nhập hồ sơ điện tử: - <i>Trường hợp đối với loài không phải là loài Thủy sản:</i> Chuyển hồ sơ đến văn thư CCKL; văn thư CCKL chuyển Lãnh đạo CCKL; Lãnh đạo CCKL chuyển Phòng QLVR&BTTN. - <i>Trường hợp đối với loài Thủy sản:</i> Chuyển lãnh đạo Phòng CN,TS&TY.	CCMC của Sở tại TTPVHCC/Văn thư, Lãnh đạo CCKL/Văn thư, Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/4 ngày	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	0,5 ngày	0,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)	
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ thành phần: tham mưu việc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + Kiểm tra thực tế cơ sở nuôi, trồng; + Tham mưu việc gửi hồ sơ đến Cơ quan quản lý CITES Việt Nam (kèm theo hồ sơ) để trình Ban Thư ký CITES; + Tham mưu việc lấy ý kiến xác nhận của Cơ quan Khoa học CITES Việt Nam trong thời hạn 09 ngày làm việc (trường hợp loài nuôi, trồng thuộc Phụ lục I Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam)	Công chức Phòng QLBV&BTNN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	14 ngày	12 ngày
B4	Cơ quan quản lý CITES Việt Nam gửi hồ sơ cho Ban Thư ký CITES	Cơ quan quản lý CITES Việt Nam	02 ngày	02 ngày
B5	Ban Thư ký CITES gửi văn bản trả lời	Ban Thư ký CITES	Không tính thời gian	
B6	Thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp mã số	Cơ quan quản lý CITES Việt Nam	02 ngày	02 ngày
B7	Tổng hợp hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý (Văn bản cấp mã số/văn bản thông báo), trình Lãnh đạo phòng	Công chức Phòng QLBV&BTNN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	01 ngày	01 ngày
B8	Xem xét, trình Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT văn bản xử lý	Lãnh đạo Công chức Phòng QLBV&BTNN, CCKL/Phòng CN,TS&TY	01 ngày	01 ngày
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản xử lý	Lãnh đạo CCKL/Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày	01 ngày
B10	Đóng dấu, chuyển văn bản cho TTPVHCC	Bộ phận Văn thư	1/4 ngày	1/4 ngày
B11	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
	Tổng thời gian thực hiện		22 ngày làm việc	19 ngày làm việc

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 TTHC)

I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (02 TTHC)

1. Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng

Thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ. Chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế cấp xã.	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	1/4 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã văn bản trả lời và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu tổ chức kiểm tra, hiện trường.	Công chức Phòng Kinh tế cấp xã	1/2 ngày
B4	- Tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra hiện trường; Chuyển kết quả giải quyết cho CCMC tại TTPVHCC cấp xã.	Phòng Kinh tế cấp xã; UBND cấp xã; chủ rừng hoặc chủ đầu tư dự án có rừng bị thiệt hại	04 ngày
B5	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC tại TTPVHCC cấp xã/Công chức Phòng Kinh tế cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			05 ngày làm việc

2. Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân.

Thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ. Chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế cấp xã	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	1/4 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã	1/4 ngày
B3	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho chủ rừng trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Tham mưu xác minh hồ sơ.	Công chức Phòng Kinh tế cấp xã	01 ngày
B4	Tham mưu UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xác minh hồ sơ: - Trường hợp không hỗ trợ lãi suất tín dụng: lập biên bản xác minh, báo cáo xác minh và dự thảo văn bản của UBND tỉnh thông báo nêu rõ lý do cho cá nhân/hộ gia đình nộp hồ sơ biết. - Trường hợp hỗ trợ lãi suất tín dụng: lập biên bản xác minh, báo cáo xác minh, dự thảo quyết định của UBND tỉnh hỗ trợ lãi suất tín dụng	Phòng Kinh tế cấp xã/ các cơ quan liên quan	10 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày
B6	Xem xét, ký ban hành quyết định phê duyệt hỗ trợ tín dụng/Văn bản trả lời không hỗ trợ; chuyển kết quả tới UBND cấp xã.	Lãnh đạo UBND tỉnh	06 ngày
B7	Chuyển kết quả giải quyết cho CCMC tại TTPVHCC cấp xã	Văn thư UBND cấp xã	1/2 ngày
B8	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		20 ngày